

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1. ĐỊA 12

1.Ma trận đề kiểm tra giữa học kì 1, lớp 12, 2026-2027

ST	<u>Chương/ chủ đề</u>	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	<u>Chủ đề 1.</u> Địa lí tự nhiên	A1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2			2	1	1		1					4	2	1	20%
		A2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	4		1						1			1	4	1	2	27,5%
		A3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	3		1	2	1	1	1		1				6	1	3	30%
		A4. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	1										2		1		1	22,5%
Tổng số câu			10		2	4	2	2	1	1	2		1	1	15	4	7	
Tổng số điểm			2,5đ		0,5đ	1,0	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	1,0đ		2,0đ	1,0đ	4,0	3,0	3,0	
Tỉ lệ %			30,%			20%			2,0%			30%			40%	30%	30%	100%

2. Bảng đặc tả ma trận đề kiểm tra giữa hk1, 2026-2027, địa 12

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I, LỚP 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	<u>Chủ đề 1.</u> Địa lí tự nhiên	A1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	Nhận biết – Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam. (NL1) Thông hiểu - Thực hiện một số phép tính liên quan đến phạm vi lãnh thổ. Vận dụng Phân tích được ảnh hưởng của VTĐL, PVLТ đến tự nhiên, kt – xh, ANQP.	2			2	1	1		1				
		A2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	Nhận biết – Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. (NL1) - Thực hiện một số phép tính đơn giản liên quan đến thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. (NL2) Vận dụng – Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống ở địa phương (NL3). -Thực hiện một số phép tính liên quan đến thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. (NL2)	4		1						1			1

[illegible]

			- Nhận xét bảng SL, chọn dạng BĐ(NL1)												
Tổng số câu				10		2	4	2	2	1	1	2		1	1
Tổng số điểm				2,5đ		0.5đ	1,0đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0.5đ	1đ		2,0đ	1,0đ
Tỉ lệ %				30,0%			20,0%			20,0%			30%		

1. NL1: Nhận thức khoa học địa lí; NL2: Tìm hiểu địa lí; NL 3: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

